

Về con chung: bà M xác định có 02 (hai) con chung là Đậu Trần Minh T, sinh năm: 1993 và Đậu Duy Q, sinh năm: 1998. Tất cả các con đều đã trưởng thành bình thường.

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông Đậu Duy M vắng mặt nhiều lần tất cả các buổi làm việc, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải, xét xử tại Tòa và có đơn xin giải quyết vắng mặt.

* Ý kiến của kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về tố tụng: Về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, thư ký, Hội thẩm nhân dân và những người tham gia tố tụng: Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ đã thực hiện đúng theo quy định tại của pháp luật. Đối với Hội đồng xét xử tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng; thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ tại phiên tòa. Đối với nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định.

Về nội dung: Qua nghiên cứu hồ sơ và kiểm sát tại phiên tòa đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Về con chung : Tất cả các con đều đã trưởng thành bình thường nên không xem xét. Tài sản chung và nợ chung : hai bên không yêu cầu nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Ngày 10-6-2019 bà Trần Thị M có đơn khởi kiện ông Đậu Duy M về việc xin ly hôn. Bà M và ông M chung sống với nhau có đăng ký kết hôn; bị đơn có nơi cư trú tại thành phố Vũng Tàu, vì vậy xác định đây là vụ án khởi kiện về việc ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân TP. Vũng Tàu theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, bà M và ông M đều có đơn xin giải quyết vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà M, ông M theo khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về hôn nhân:

Bà M và ông M tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn năm 1992 tại Ủy ban nhân dân phường 4, thành phố V, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, theo bà M cho rằng vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, cách sống nên vợ chồng luôn xảy ra cãi vã, xô xát nhau. Nay bà M xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Đậu Duy M. Ông M đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông M không đến Tòa để làm việc, không thể hiện ý chí, quan điểm để Hội đồng xét xử xem xét và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, không thể hiện thiện chí đoàn tụ hàn gắn gia đình nên đã tự tước bỏ quyền lợi của mình. Quá trình xác minh được biết vợ chồng bà M, ông M có phát sinh mâu thuẫn nhiều năm nay. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát, không có tiếng nói chung. Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà M và ông M là có thật, vợ chồng không có thiện chí đoàn tụ, hàn gắn gia đình, do đó cuộc sống vợ chồng không còn ý nghĩa, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên nguyện vọng yêu cầu xin ly hôn của bà M đối với ông M là có cơ sở nên chấp nhận.

[2.2]. Về con chung: bà M xác định có 02 (hai) con chung là Đậu Trần Minh T, sinh năm: 1993 và Đậu Duy Q, sinh năm: 1998. Tất cả các con đều đã trưởng thành bình thường.

[2.3]. Cấp dưỡng nuôi con: không xem xét.

[2.4]. Về tài sản chung, nợ chung: Không ai yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[2.5]. Về án phí : Bà M phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 39 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị M .

1. Về hôn nhân: bà Trần Thị M được ly hôn với ông Đậu Duy M.
2. Về con chung: có 02 (hai) con chung là Đậu Trần Minh T, sinh năm: 1993 và Đậu Duy Q, sinh năm: 1998. Tất cả các con đều đã trưởng thành bình thường.
3. Về tài sản chung, nợ chung: Không ai yêu cầu nên không xem xét.
4. Về án phí:
 - Bà Trần Thị M phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0006919 ngày 13 tháng 6 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự Thành phố Vũng Tàu.
5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TPVT;
- Chi cục THADS TPVT;
- TAND tỉnh BRVT;
- UBND P. 4, TP. Vũng Tàu;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

NGUYỄN THỊ THÙY TRANG